

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP ĐỘC LẬP CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON THÔNG QUA MÔ HÌNH CỐ VẤN HỌC TẬP CÁ NHÂN HÓA

Nguyễn Thị Hồng Lam, Đào Thị Hiền
Khoa Giáo dục mầm non, Trường CDSP Bà Rịa – Vũng Tàu
Email: hiendao7703@gmail.com

Tóm tắt: Bài báo xây dựng và kiểm định mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa nhằm phát triển năng lực học tập độc lập cho sinh viên sư phạm mầm non, trên cơ sở tích hợp lý thuyết học tập tự điều chỉnh và cố vấn phát triển. Nghiên cứu sử dụng thiết kế thực nghiệm có đối chứng với hai nhóm sinh viên, kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Mô hình gồm bốn hợp phần: lập kế hoạch học tập cá nhân, phát triển kỹ năng học tập, tương tác cố vấn - sinh viên và đánh giá theo tiến trình. Kết quả cho thấy năng lực học tập độc lập của nhóm thực nghiệm cải thiện có ý nghĩa thống kê so với nhóm đối chứng, với mức tăng khác nhau giữa các thành tố, nổi bật ở lập kế hoạch và tự giám sát học tập. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của mô hình và gợi ý khả năng vận dụng trong đào tạo giáo viên.

Từ khóa: năng lực học tập độc lập; cố vấn học tập cá nhân hóa; học tập tự điều chỉnh; sinh viên sư phạm mầm non; đào tạo giáo viên.

ENHANCING SELF-REGULATED LEARNING IN PRE-SERVICE PRESCHOOL TEACHERS THROUGH A PERSONALIZED ACADEMIC ADVISING MODEL

Abstract: This study develops and tests a personalized academic advising model to enhance independent learning competence among pre-service preschool teachers, based on the integration of self-regulated learning and developmental advising theories. A quasi-experimental design with experimental and control groups was applied, using both quantitative and qualitative methods. The model comprises four components: personalized learning planning, development of learning skills, advisor-student interaction, and ongoing formative assessment. The results show that the experimental group achieved statistically significant improvements in independent learning competence compared to the control group, with varying gains across components, particularly in learning planning and self-monitoring. The study provides empirical evidence for the effectiveness of the model and highlights its potential application in teacher education programs.

Keywords: independent learning competence; personalized academic advising; self-regulated learning; early childhood teacher education students; teacher education.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 05/04/2026

Duyệt đăng: 09/04/2026

I. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, đào tạo giáo viên đang chuyển từ tiếp cận truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học (OECD, 2018). Đối với sinh viên sư phạm nói chung, sinh viên sư phạm mầm non (SVSPMN) nói riêng, năng lực học tập độc lập đóng vai trò then chốt, không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn là nền tảng cho học tập suốt đời và thích ứng nghề nghiệp (Zimmerman, 2002; Nguyen, 2020). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nhiều sinh viên còn thiếu kỹ năng tự học, học tập mang tính thụ động và chưa hình thành thói quen tự điều chỉnh (Zimmerman, 2008; Truong, 2024).

Bên cạnh đó, hoạt động cố vấn học tập ở nhiều cơ sở đào tạo vẫn chưa được tổ chức hiệu quả, còn mang tính hình thức và chưa phát huy đầy đủ vai trò như một cơ chế hỗ trợ phát triển năng lực người học (Lowenstein, 2014; Zaher, 2024; Truong, 2024). Điều này đặt ra yêu cầu chuyển đổi hoạt động cố vấn từ chức năng hỗ trợ học vụ sang một quá trình sư phạm có cấu trúc, định hướng phát triển năng lực người học.

Mặc dù học tập tự điều chỉnh và cố vấn học tập đã được nghiên cứu rộng rãi trong giáo dục đại học, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận hai lĩnh vực này một cách tương đối độc lập. Sự thiếu vắng các bằng chứng thực nghiệm về tác động tích hợp giữa hai yếu tố này, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo giáo viên, đã tạo ra một khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này xây dựng và kiểm định mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa nhằm phát triển năng lực học tập độc lập cho SVSPMN. Việc phân tích có hệ thống các nền tảng lý thuyết liên quan được thực hiện nhằm làm rõ cơ chế tác động và định hướng xây dựng mô hình nghiên cứu trong phần tiếp theo.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

2.1.1. Năng lực học tập độc lập

Năng lực học tập độc lập là khả năng người học chủ động tổ chức, điều chỉnh và kiểm soát quá trình học tập nhằm đạt mục tiêu đã đề ra. Theo lý thuyết học tập tự điều chỉnh, người học giữ vai

trò trung tâm trong việc thiết lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược, giám sát tiến trình và tự đánh giá kết quả học tập. Vì vậy, năng lực học tập độc lập không chỉ là biểu hiện của năng lực tự học mà còn là một năng lực cốt lõi của học tập suốt đời trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Về cấu trúc, năng lực này gồm năm thành tố gắn bó chặt chẽ với nhau: động cơ học tập, thể hiện mức độ sẵn sàng và định hướng bên trong của người học; lập kế hoạch học tập, phản ánh khả năng xác định mục tiêu, phân bổ thời gian và xây dựng lộ trình phù hợp; chiến lược học tập, liên quan đến việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp học hiệu quả; tự giám sát và điều chỉnh, thể hiện khả năng theo dõi tiến độ, nhận diện khó khăn và điều chỉnh hành vi học tập; tự đánh giá, phản ánh năng lực xem xét kết quả so với mục tiêu ban đầu và rút kinh nghiệm cho quá trình học tập tiếp theo. Do đó, phát triển năng lực học tập độc lập không chỉ dừng ở việc rèn kỹ năng học tập mà còn cần hình thành ở người học thói quen tự chủ và khả năng làm chủ quá trình học tập của bản thân.

2.1.2. Vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo giáo viên

Cố vấn học tập là một thành tố quan trọng trong hệ thống hỗ trợ sinh viên, nhất là trong giáo dục định hướng phát triển năng lực. Theo cách tiếp cận cố vấn phát triển, hoạt động này không chỉ cung cấp thông tin học vụ mà còn định hướng và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học thông qua sự tương tác cộng tác giữa giảng viên và sinh viên. Trong đào tạo giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non ở trình độ cao đẳng và đại học, cố vấn học tập có vai trò lớn trong việc phát triển năng lực học tập và khả năng tự chủ của sinh viên.

Trong cách tiếp cận này, cố vấn học tập được xem là một quá trình giáo dục. Giảng viên không chỉ hướng dẫn mà còn đồng hành, hỗ trợ sinh viên xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch học tập và phát triển năng lực ra quyết định. Thông qua các tương tác có ý nghĩa, sinh viên được khuyến khích tự nhận thức về quá trình học tập của mình, từ đó nâng cao khả năng tự chủ và tự điều chỉnh. Quan điểm “cố vấn như một hình thức giảng dạy” cho thấy hoạt động cố vấn có thể tác động trực tiếp đến sự phát triển nhận thức và kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy, trong bối cảnh đào tạo giáo viên, nơi người học cần năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp liên tục, cố vấn học tập là một cơ chế hỗ trợ quan trọng để thúc đẩy năng lực học

tập độc lập. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, hoạt động này cần được thiết kế theo hướng phát triển năng lực thay vì chỉ thực hiện chức năng hành chính.

2.1.3. Lý thuyết nền tảng

Nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở tích hợp hai nền tảng lý thuyết chính: lý thuyết học tập tự điều chỉnh và mô hình cố vấn phát triển. Cách tiếp cận này vừa nhấn mạnh vai trò chủ thể của người học trong việc làm chủ quá trình học tập, vừa làm rõ vai trò hỗ trợ mang tính sư phạm của giảng viên.

Theo lý thuyết học tập tự điều chỉnh, người học chủ động thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai chiến lược và tự đánh giá kết quả học tập. Quá trình này diễn ra theo chu trình lặp lại gồm ba giai đoạn: chuẩn bị, thực hiện và tự đánh giá - điều chỉnh. Khung lý thuyết này giúp lý giải cấu trúc cũng như cơ chế vận hành của năng lực học tập độc lập. Trong khi đó, mô hình cố vấn phát triển cá nhân xem cố vấn học tập là một quá trình giáo dục, trong đó giảng viên giữ vai trò hướng dẫn, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển nhận thức cũng như cá nhân của sinh viên. Sự tương tác giữa cố vấn và sinh viên góp phần tăng động lực học tập, hỗ trợ điều chỉnh hành vi và phát triển năng lực tự học.

Việc tích hợp hai nền tảng lý thuyết này tạo nên một khung phân tích toàn diện. Lý thuyết học tập tự điều chỉnh giải thích các quá trình bên trong của người học, còn mô hình cố vấn phát triển cung cấp cơ chế tác động từ bên ngoài thông qua sự hỗ trợ có định hướng của giảng viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa nhằm phát triển năng lực học tập độc lập cho SVSPMN, vừa kế thừa các khung lý thuyết hiện có, vừa cụ thể hóa cơ chế tác động của hoạt động cố vấn học tập trong bối cảnh đào tạo giáo viên.

2.1.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tích hợp lý thuyết học tập tự điều chỉnh và mô hình cố vấn phát triển, nghiên cứu đề xuất mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa nhằm phát triển năng lực học tập độc lập cho sinh viên. Hoạt động cố vấn học tập được xem như một can thiệp sư phạm có hệ thống, tác động đến quá trình học tập tự điều chỉnh của người học.

Mô hình gồm bốn hợp phần chính có mối quan hệ tương tác chặt chẽ: (1) lập kế hoạch học tập cá nhân, tập trung vào việc hỗ trợ sinh viên xác định mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch cá nhân và theo dõi tiến độ thực hiện; (2) phát triển kỹ năng học tập, trang bị cho sinh viên các chiến lược học

tập hiệu quả như đọc hiểu, ghi chú, tổ chức thông tin và sử dụng công cụ học tập; (3) tương tác cố vấn - sinh viên, giảng viên cố vấn cung cấp sự hỗ trợ, định hướng và phản hồi kịp thời cho sinh viên; và (4) đánh giá, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên thông qua đánh giá định kỳ và phản hồi liên tục, giúp người học điều chỉnh chiến lược và cải thiện kết quả học tập.

Mô hình được vận hành theo chu trình học tập tự điều chỉnh gồm các giai đoạn: lập kế hoạch -> thực hiện -> giám sát -> tự đánh giá -> điều chỉnh. Cơ chế tác động thể hiện ở sự kết hợp giữa hỗ trợ bên ngoài (hoạt động cố vấn) và quá trình tự điều chỉnh bên trong của người học, qua đó thúc đẩy sự phát triển năng lực học tập độc lập.

Từ đó, mô hình nghiên cứu được xác định với

ba thành phần chính: (1) mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa (biến độc lập); (2) quá trình học tập tự điều chỉnh (biến trung gian); và (3) năng lực học tập độc lập (biến phụ thuộc).

Các giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

H1: Mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa có tác động tích cực đến năng lực học tập độc lập của sinh viên.

H2: Mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa có tác động tích cực đến các thành tố của năng lực học tập độc lập.

H3: Quá trình học tập tự điều chỉnh đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa và năng lực học tập độc lập.

Mô hình nghiên cứu được trình bày trong Hình 1.

MÔ HÌNH CỐ VẤN HỌC TẬP CÁ NHÂN HÓA (Biến độc lập)

- (1) Lập kế hoạch học tập cá nhân
- (2) Phát triển kỹ năng học tập
- (3) Tương tác cố vấn – sinh viên
- (4) Đánh giá và phản hồi theo tiến trình



QUÁ TRÌNH HỌC TẬP TỰ ĐIỀU CHỈNH (Biến trung gian)

(Lập kế hoạch → Thực hiện → Giám sát → Tự đánh giá → Điều chỉnh)



NĂNG LỰC HỌC

TẬP ĐỘC LẬP (Biến

phụ thuộc)

- (1) Động cơ và thái độ học tập
- (2) Lập kế hoạch học tập
- (3) Chiến lược và kỹ năng học tập
- (4) Tự giám sát và điều chỉnh
- (5) Tự đánh giá

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất về tác động của mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa đến năng lực học tập độc lập của sinh viên.

Hình 1 minh họa mối quan hệ giữa mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa, quá trình học tập tự điều chỉnh và năng lực học tập độc lập của sinh viên. Mô hình được giả định tác động gián tiếp đến kết quả thông qua cơ chế trung gian của quá trình học tập tự điều chỉnh, từ đó cải thiện các thành tố của năng lực học tập độc lập. Cách tiếp cận này góp phần tích hợp lý thuyết học tập tự điều chỉnh và cố vấn học tập trong một khung phân tích thống nhất, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc thiết kế và triển khai hoạt động cố vấn học tập theo hướng cá nhân hóa trong đào tạo giáo viên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với sinh viên năm 2 ngành Giáo dục mầm non tại Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm hai nhóm tương đương về năm học, chương trình đào tạo và điều kiện học tập: nhóm thực nghiệm (n = 42) và nhóm đối chứng (n = 40), được lựa chọn theo lớp học sẵn có. Kết quả khảo sát trước can thiệp cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực học tập độc lập giữa hai nhóm (p > 0,05), bảo đảm tính tương đương ban đầu. Nghiên cứu sử dụng thiết kế thực nghiệm có đối chứng với khảo sát

trước và sau can thiệp. Nhóm thực nghiệm được áp dụng mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa, còn nhóm đối chứng tiếp tục hình thức cố vấn thông thường. Năng lực học tập độc lập được đo bằng thang 25 phát biểu dựa trên lý thuyết học tập tự điều chỉnh của Zimmerman và tham khảo MSLQ của Pintrich và cộng sự, gồm 5 thành tố: động cơ và thái độ học tập, lập kế hoạch học tập, chiến lược học tập, tự giám sát - điều chỉnh và tự đánh giá. Thang đo đạt độ tin cậy tốt, với Cronbach's Alpha từ 0,84 đến 0,88 và toàn thang là 0,89. Can thiệp kéo dài một năm học, được triển khai theo quy trình chặt chẽ và dữ liệu được xử lý bằng SPSS với thống kê mô tả, kiểm định t và Cohen's d ở mức ý nghĩa $p < 0,05$.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa có hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực học tập độc lập của sinh viên. Trước can thiệp, kiểm định t cho hai mẫu độc lập không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ($p > 0,05$), qua đó xác nhận tính tương đương ban đầu giữa hai nhóm. Sau can thiệp, nhóm thực nghiệm có sự gia tăng đáng kể về năng lực học tập độc lập, với điểm trung bình tăng từ $3,01 \pm 0,59$ lên $3,76 \pm 0,52$; kiểm định t cho hai mẫu phụ thuộc cho kết quả $t = 6,95$; $p < 0,001$, đồng thời kích thước ảnh hưởng đạt mức lớn (Cohen's $d = 1,07$). Mức chênh lệch trung bình 0,75 điểm phản ánh sự cải thiện đáng kể sau can thiệp. Ngược lại, nhóm đối chứng chỉ tăng từ $3,03 \pm 0,57$ lên $3,18 \pm 0,56$, với sự thay đổi không có ý nghĩa thống kê ($t = 1,62$; $p > 0,05$; $d = 0,26$), cho thấy hình thức cố vấn thông thường chưa đủ tạo ra chuyển biến rõ rệt.

Kết quả kiểm định ở thời điểm sau can thiệp tiếp tục khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm ($p < 0,001$), với điểm trung bình của nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể. Xét theo từng thành tố, nhóm thực nghiệm đều cải thiện trên tất cả các khía cạnh của năng lực học tập độc lập, nhưng mức độ tăng không đồng đều. Tự giám sát - điều chỉnh tăng cao nhất ($\Delta = +0,94$), tiếp theo là lập kế hoạch học tập ($\Delta = +0,81$); chiến lược và kỹ năng học tập cùng tự đánh giá đều tăng ở mức $+0,72$; động cơ và thái độ học tập tăng thấp hơn ($\Delta = +0,64$). Điều này cho thấy can thiệp tác động mạnh hơn đến các thành tố mang tính điều hành và kiểm soát quá trình học tập. Về kiểm định giả thuyết, H1 và H2 được chấp nhận trên cơ sở bằng chứng thực nghiệm, còn H3 được ủng hộ ở

mức độ lý thuyết và cần tiếp tục kiểm chứng trong các nghiên cứu sau.

2.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa có tác động tích cực đến năng lực học tập độc lập của SVSPMN, thể hiện qua mức gia tăng có ý nghĩa thống kê cùng kích thước ảnh hưởng lớn (Cohen's $d = 1,07$). Điều này cho thấy can thiệp không chỉ cải thiện kết quả học tập mà còn góp phần định hình lại hành vi và quá trình học tập của người học theo hướng chủ động hơn.

Tuy nhiên, mức độ cải thiện không hoàn toàn đồng đều giữa các thành tố. Các khía cạnh như lập kế hoạch và tự giám sát - điều chỉnh ghi nhận mức gia tăng mạnh hơn so với động cơ, thái độ học tập. Kết quả này hàm ý rằng hoạt động cố vấn tác động trực tiếp hơn đến các kỹ năng mang tính hành vi và chiến lược, trong khi các yếu tố tâm lý như động cơ, thái độ có xu hướng biến đổi chậm hơn và cần thời gian dài hơn để thay đổi.

Diễn giải theo khung lý thuyết học tập tự điều chỉnh của Barry J. Zimmerman (2000, 2002, 2008), các can thiệp có cấu trúc có xu hướng tác động rõ nét hơn đến các giai đoạn dự định (forethought) và thực hiện (performance), trong khi giai đoạn tự phản ánh (self-reflection) thường phát triển chậm hơn do phụ thuộc vào quá trình tích lũy kinh nghiệm và tự nhận thức của người học.

Từ góc độ lý thuyết, nghiên cứu này góp phần củng cố mối liên hệ giữa cố vấn học tập và học tập tự điều chỉnh, đồng thời gợi mở cơ chế tác động thông qua sự tương tác giữa yếu tố hỗ trợ bên ngoài và quá trình điều chỉnh nội tại của người học. Việc tích hợp cố vấn học tập vào chu trình tự điều chỉnh có thể được xem như một chiến lược sư phạm nhằm kích hoạt và duy trì các quá trình học tập bậc cao, qua đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của năng lực học tập độc lập.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng cố vấn học tập, nếu được thiết kế theo hướng cá nhân hóa, có thể trở thành một giải pháp khả thi và hiệu quả trong đào tạo giáo viên. Thay vì chỉ dừng ở vai trò hỗ trợ hành chính, hoạt động này cần được tái cấu trúc như một quá trình sư phạm có mục tiêu rõ ràng, trong đó giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, phát triển chiến lược và nhận phản hồi liên tục.

Tuy nhiên, các kết quả này cần được nhìn nhận một cách thận trọng do quy mô mẫu còn hạn chế,

thời gian can thiệp chưa dài và dữ liệu dựa trên tự báo cáo của người học, do đó có thể tiềm ẩn các sai lệch như thiên lệch xã hội hoặc đánh giá chủ quan. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát, kéo dài thời gian theo dõi và kết hợp các phương pháp đánh giá khách quan để kiểm chứng thêm cơ chế và tính bền vững của tác động.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định mô hình cố vấn học tập cá nhân hóa nhằm phát triển năng lực học tập độc lập cho SVSPMN. Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình mang lại hiệu quả tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với sự phát triển năng lực học tập của người học.

Kết quả cũng cho thấy năng lực học tập độc lập được cải thiện theo nhiều khía cạnh khác nhau, phản ánh tác động đa chiều của mô hình can thiệp.

Điều này nhấn mạnh vai trò của việc kết hợp hỗ trợ sư phạm có cấu trúc với quá trình tự điều chỉnh của người học trong phát triển năng lực học tập.

Về lý luận, nghiên cứu góp phần làm rõ giá trị của cách tiếp cận tích hợp giữa học tập tự điều chỉnh và cố vấn học tập. Về thực tiễn, kết quả gợi ý rằng cố vấn học tập theo hướng cá nhân hóa có thể được vận dụng như một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên.

Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế liên quan đến quy mô mẫu, thời gian can thiệp và phương pháp đo lường. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát và áp dụng các phương pháp phân tích sâu hơn để đánh giá đầy đủ hơn tính bền vững và cơ chế tác động của mô hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baxter Magolda, M. B. (2001). *Making their own way: Narratives for transforming higher education to promote self-development*. Stylus Publishing.
- Gordon, V. N. (2019). *Developmental advising: The elusive ideal*. *NACADA Journal*, 39(2), 72-76. <https://doi.org/10.12930/NACADA-19-201>
- Grites, T. J. (2013). *Developmental academic advising: A 40-year context*. *NACADA Journal*, 33(1), 5-15. <https://doi.org/10.12930/NACADA-13-123>
- Lowenstein, M. (2005). *If advising is teaching, what do advisors teach?* *NACADA Journal*, 25(2), 65-73. <https://doi.org/10.12930/0271-9517-25.2.65>
- Nguyen, Đ. G. (2020). *Thực nghiệm sư phạm phát triển năng lực tự học cho sinh viên sư phạm qua phương pháp dạy học tích cực*. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (28), 19-24.
- OECD. (2010). *The definition and selection of key competencies: Executive summary*. [https://one.oecd.org/document/EDU/EDPC/ECEC/RD\(2010\)26/en/pdf](https://one.oecd.org/document/EDU/EDPC/ECEC/RD(2010)26/en/pdf)
- OECD. (2018). *The future of education and skills: Education 2030*. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/06/the-future-of-education-and-skills_5424dd26/54ac7020-en.pdf